ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ PHÚC SƠN

Dự thảo

ĐỀ ÁN

SẮP XẾP THÔN TRÊN ĐỊA BÀN XÃ PHÚC SƠN THÀNH PHỐ HÀ NỘI

Phúc Sơn, tháng 6 năm 2026

I. SỰ CẦN THIẾT XÂY DỰNG ĐỀ ÁN

Thôn là tổ chức tự quản của cộng đồng dân cư, không phải là cấp hành chính; là nơi trực tiếp tổ chức sinh hoạt cộng đồng, vận động Nhân dân thực hiện chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước; tham gia phát huy dân chủ ở cơ sở, xây dựng đời sống văn hóa, bảo đảm an ninh, trật tự và thực hiện các phong trào thi đua tại địa bàn dân cư. Việc sắp xếp phải căn cứ vào hiện trạng tổ chức cộng đồng dân cư, tiêu chuẩn tương ứng với loại hình thôn không mặc định loại hình theo tên gọi đơn vị hành chính là xã.

Thực hiện các chủ trương, nghị quyết, kết luận và quy định về sắp xếp, tổ chức lại thôn và xây dựng mô hình tổ chức chính quyền địa phương 02 cấp của Trung ương, Thành ủy, HĐND và UBND thành phố, gắn với việc tinh gọn mô hình thôn tạo ra các đơn vị dân cư có quy mô đủ lớn, (tránh manh mún, thôn nhỏ, nhiều thôn) của xã như hiện nay. Đồng thời, thống nhất quản lý theo các tiêu chí chuẩn hóa về quy mô số hộ gia đình của thành phố Hà Nội, tạo điều kiện thuận lợi cho việc ứng dụng công nghệ số, xây dựng chính quyền điện tử và đô thị thông minh từ cấp cơ sở. Sau quá thực hiện mô hình chính quyền địa phương 02 cấp, hiện trạng thôn trên địa bàn xã Phúc Sơn có nhiều thay đổi.

Sau quá thực hiện mô hình chính quyền địa phương 02 cấp, hiện trạng thôn trên địa bàn xã Phúc Sơn có nhiều thay đổi. Một số thôn có quy mô nhỏ, chưa phù hợp với tiêu chuẩn, điều kiện tổ chức theo quy định; một số địa bàn có quy mô quá lớn, mật độ dân cư cao, phát sinh khó khăn trong quản lý dân cư, tổ chức sinh hoạt cộng đồng và triển khai nhiệm vụ ở cơ sở. Việc sắp xếp phải căn cứ vào hiện trạng tổ chức cộng đồng dân cư, tiêu chuẩn tương ứng với loại hình thôn không mặc định loại hình theo tên gọi đơn vị hành chính là xã.

Do vậy, việc xây dựng Đề án sắp xếp thôn trên địa bàn xã Phúc Sơn là cần thiết nhằm tinh gọn đầu mối, nâng cao hiệu quả hoạt động tự quản của cộng đồng dân cư, bảo đảm phù hợp với quy mô số hộ, dân số, ranh giới, hạ tầng, truyền thống cộng đồng và yêu cầu quản trị cơ sở nâng cao đời sống vật chất và tinh thần cho Nhân dân đáp ứng yêu cầu, nhiệm vụ trong giai đoạn mới.

II. CĂN CỨ XÂY DỰNG ĐỀ ÁN

1. Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;

2. Luật Thủ đô năm 2026;

3. Luật Thực hiện dân chủ ở cơ sở số 10/2022/QH15 đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 47/2024/QH15 và Luật số 97/2025/QH15;

4. Nghị định số 59/2023/NĐ-CP ngày 14/8/2023 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Thực hiện dân chủ ở cơ sở;

5. Nghị định số 150/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ quy định tổ chức các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương và Ủy ban nhân dân xã, phường, đặc khu thuộc tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương;

6. Nghị định số 370/2025/NĐ-CP ngày 31/12/2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 150/2025/NĐ-CP;

7. Nghị định số 185/2026/NĐ-CP ngày 26/5/2026 của Chính phủ quy định về tổ chức, hoạt động của thôn, tổ dân phố và chế độ, chính sách đối với người hoạt động không chuyên trách ở thôn, tổ dân phố;

8. Chỉ thị số 21/CT-TTg ngày 20/5/2026 của Thủ tướng Chính phủ về việc sắp xếp thôn, và bố trí, sử dụng, chế độ, chính sách đối với người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã, thôn, tổ dân phố;

9. Căn cứ Nghị quyết số 21/2026/NQ-HĐND ngày 02/06/2026 của HĐND thành phố Hà Nội Quy định về tổ chức và hoạt động của thôn, tổ dân phố; chức danh, số lượng, chế độ, chính sách đối với người hoạt động không chuyên trách ở thôn, tổ dân phố trên địa bàn thành phố Hà Nội (thực hiện điểm c khoản 1 Điều 7 Luật Thủ đô số 02/2026/QH16)

10. Căn cứ Kế hoạch số 222/KH-UBND ngày 10/6/2026 của UBND thành phố Hà Nội về triển khai thực hiện Nghị quyết của Hội đồng nhân dân Thành phố quy định về tổ chức và hoạt động của thôn, tổ dân phố; chức danh, số lượng, chế độ, chính sách đối với người hoạt động không chuyên trách ở thôn, tổ dân phố trên địa bàn thành phố Hà Nội;

11. Tình hình thực tiễn về dân số, số hộ, ranh giới, hạ tầng kỹ thuật, thiết chế văn hóa, tổ chức đảng, Mặt trận Tổ quốc, các tổ chức chính trị - xã hội và yêu cầu quản lý nhà nước trên địa bàn xã Phúc Sơn.

III. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

1. Mục đích

Sắp xếp thôn trên địa bàn xã Phúc Sơn theo hướng tinh gọn, hợp lý, tiêu chuẩn, điều kiện tổ chức theo Nghị định số 185/2026/NĐ-CP, phù hợp quy mô dân cư, ranh giới, hạ tầng, truyền thống cộng đồng và yêu cầu quản lý nhà nước ở cơ sở.

Nâng cao hiệu quả hoạt động tự quản của cộng đồng dân cư; tạo thuận lợi trong tuyên truyền, vận động Nhân dân, thực hiện dân chủ ở cơ sở, bảo đảm an ninh, trật tự, vệ sinh môi trường, nếp sống văn minh và chuyển đổi số ở cơ sở.

Tạo cơ sở kiện toàn tổ chức đảng, Ban công tác Mặt trận, các chi hội đoàn thể và đội ngũ người hoạt động không chuyên trách ở thôn sau sắp xếp.

2. Yêu cầu

Bám sát quy định của pháp luật, chỉ đạo của Trung ương, Thành phố và tình hình thực tiễn của xã; bảo đảm công khai, dân chủ, thận trọng, có sự đồng thuận của Nhân dân.

Không sắp xếp cơ học, không chạy theo chỉ tiêu giảm số lượng; phải đánh giá đầy đủ tác động về quản lý dân cư, hạ tầng, thiết chế văn hóa, tổ chức đảng, Mặt trận, đoàn thể, an ninh trật tự, phong tục, tập quán, tôn giáo, tín ngưỡng và lịch sử cộng đồng dân cư.

Gắn sắp xếp thôn với phương án bố trí, kiện toàn người hoạt động không chuyên trách; giải quyết chế độ, chính sách đối với người không tiếp tục tham gia theo quy định; không để phát sinh khiếu nại, kiến nghị phức tạp.

IV. NGUYÊN TẮC SẮP XẾP

1. Việc sắp xếp thôn được thực hiện căn cứ vào hiện trạng tổ chức cộng đồng dân cư, quy mô số hộ, dân số, ranh giới, điều kiện hạ tầng và yêu cầu quản lý thực tế; mang lại hiệu quả thiết thực, thúc đẩy phát triển xã hội.

2. Đối với thành phố Hà Nội, việc đối chiếu tiêu chuẩn quy mô số hộ gia đình phải thực hiện theo quy định tại Điều 10 Nghị định số 185/2026/NĐ-CP: thôn phải có từ 500 hộ gia đình trở lên.

3. Việc sắp xếp thôn là sắp xếp tổ chức tự quản của cộng đồng dân cư, không làm thay đổi địa giới hành chính xã; không làm thay đổi thẩm quyền quản lý nhà nước của UBND xã; không làm phát sinh thủ tục bắt buộc điều chỉnh giấy tờ của cá nhân, hộ gia đình, tổ chức.

4. Ưu tiên sáp nhập các thôn liền kề, có ranh giới tiếp giáp, giao thông thuận lợi, dân cư có sự gắn kết về lịch sử, văn hóa, phong tục, tập quán, sinh hoạt cộng đồng.

5. Không sắp xếp cơ học đối với địa bàn có yếu tố đặc thù về lịch sử, văn hóa, tôn giáo, tín ngưỡng, làng nghề, an ninh trật tự hoặc bị chia cắt bởi sông, hồ, đường giao thông lớn, khu công nghiệp, khu đô thị nếu việc sắp xếp làm giảm hiệu quả quản lý và tự quản cộng đồng.

6. Đối với khu dân cư mới, việc thành lập hoặc điều chỉnh thôn phải căn cứ số hộ thực tế đã cư trú ổn định, điều kiện hạ tầng, địa bàn quản lý và khả năng tổ chức sinh hoạt cộng đồng.

7. Tên gọi thôn sau sắp xếp phải ngắn gọn, dễ nhớ, phù hợp truyền thống lịch sử, văn hóa, địa danh, không trùng lặp trong cùng xã, không gây nhầm lẫn trong quản lý; việc giữ tên gọi bằng số thứ tự đối với địa bàn đã ổn định cần được thuyết minh rõ để tránh xáo trộn không cần thiết.

8. Việc sắp xếp phải lấy ý kiến Nhân dân tại thôn chịu tác động trực tiếp; kết quả lấy ý kiến phải được tổng hợp đầy đủ, công khai, tiếp thu, giải trình rõ ràng.

V. ĐÁNH GIÁ HIỆN TRẠNG THÔN

1. Khái quát đặc điểm địa bàn

Xã Phúc Sơn có diện tích tự nhiên 49,31 km², dân số 54.348 người, 14.145 hộ gia đình. Trên địa bàn hiện có 40 thôn. Địa bàn có các khu vực dân cư truyền thống, khu dân cư mới, tuyến giao thông chính và các yếu tố đặc thù về lịch sử, văn hóa, tín ngưỡng, tôn giáo, an ninh trật tự như sau:

2. Hiện trạng số lượng, quy mô thôn

TT	Tên thôn	Loại hình	Số hộ	Dân số	Diện tích (km²)	Đặc điểm địa bàn	Định hướng
1	Hoành 1	Thôn	398	1,504	0.93	Dân cư truyền thống	sắp xếp
2	Hoành 2	Thôn	369	1,332	0.94	Dân cư truyền thống	sắp xếp
3	Hoành 3	Thôn	490	1,793	1.03	Dân cư truyền thống	sắp xếp

TT	Tên thôn	Loại hình	Số hộ	Dân số	Diện tích (km^2)	Đặc điểm địa bàn	Định hướng
4	Hoành 4	Thôn	465	1,711	2.82	Dân cư truyền thống	sắp xếp
5	Đồng Mít 1	Thôn	541	1,973	1.06	Dân cư truyền thống	sắp xếp
6	Đồng Mít 2	Thôn	408	1,449	0.89	Dân cư truyền thống	sắp xếp
7	Khảm Lâm	Thôn	449	1,856	1.07	Dân cư truyền thống	sắp xếp
8	Phúc Lâm Thượng	Thôn	480	2,115	0.97	Dân cư truyền thống	sắp xếp
9	Chân Chim	Thôn	255	1,014	0.74	Dân cư truyền thống	sắp xếp
10	Phúc Lâm Trung	Thôn	541	2,277	0.87	Dân cư truyền thống	sắp xếp
11	Phúc Lâm Hạ	Thôn	469	1,986	0.8	Dân cư truyền thống	sắp xếp
12	Phù Yên	Thôn	220	860	0.45	Dân cư truyền thống	sắp xếp
13	Trì	Thôn	409	1,549	1.31	Dân cư truyền thống	sắp xếp
14	Thượng (Thượng Lâm)	Thôn	423	1,603	1.36	Dân cư truyền thống	sắp xếp
15	Trung	Thôn	418	1,574	1.34	Dân cư truyền thống	sắp xếp
16	Nội	Thôn	301	1,130	1.28	Dân cư truyền thống	sắp xếp
17	Phượng	Thôn	340	1,247	1.25	Dân cư truyền thống	sắp xếp
18	Trê	Thôn	354	1,420	0.15	Dân cư truyền thống	sắp xếp
19	Cầu	Thôn	152	584	0.72	Dân cư truyền thống	sắp xếp
20	Bèn	Thôn	301	1,165	0.12	Dân cư truyền thống	sắp xếp
21	Thượng (Tuy Lai)	Thôn	372	1,518	0.1	Dân cư truyền thống	sắp xếp
22	Đồng Mả	Thôn	208	795	3.23	Dân cư truyền thống	sắp xếp
23	Quýt 1	Thôn	245	1,028	0.1	Dân cư truyền thống	sắp xếp
24	Quýt 2	Thôn	288	1,164	0.15	Dân cư truyền thống	sắp xếp
25	Quýt 3	Thôn	241	1,014	3.01	Dân cư truyền thống	sắp xếp
26	Quýt 4	Thôn	201	828	3.02	Dân cư truyền thống	sắp xếp
27	Cát	Thôn	193	762	0.1	Dân cư truyền thống	sắp xếp

TT	Tên thôn	Loại hình	Số hộ	Dân số	Diện tích (km²)	Đặc điểm địa bàn	Định hướng
28	Trù	Thôn	261	942	0.13	Dân cư truyền thống	sắp xếp
29	Đình Lê	Thôn	237	973	3.22	Dân cư truyền thống	sắp xếp
30	Giáp Bốn	Thôn	400	1,568	3.29	Dân cư truyền thống	sắp xếp
31	Bụa	Thôn	129	495	3.14	Dân cư truyền thống	sắp xếp
32	Phúc Khê	Thôn	305	1,070	0.64	Dân cư truyền thống	sắp xếp
33	Phú Hữu	Thôn	376	1,343	0.86	Dân cư truyền thống	sắp xếp
34	Mỹ Tiên	Thôn	294	1,008	0.69	Dân cư truyền thống	sắp xếp
35	Bột Xuyên	Thôn	334	1,263	0.74	Dân cư truyền thống	sắp xếp
36	Phú Văn	Thôn	173	613	0.46	Dân cư truyền thống	sắp xếp
37	Vĩnh Xương Thượng	Thôn	365	1,329	1.5	Dân cư truyền thống	sắp xếp
38	Vĩnh Xương Trung	Thôn	296	1,052	1.2	Dân cư truyền thống	sắp xếp
39	Vĩnh Lạc	Thôn	423	1,566	1.21	Dân cư truyền thống	sắp xếp
40	Lai Tảo	Thôn	976	3,824	2.42	Dân cư truyền thống	Giữ nguyên

3. Bảng đối chiếu tiêu chí và định hướng xử lý

TT	Tên thôn	Loại hình	Số hộ hiện có	Tiêu chuẩn áp dụng	Đạt/chưa đạt	Phương án xử lý	Lý do
1	Hoành 1	Thôn	398	Điều 10 Nghị định số 185/2026/NĐ-CP	Chưa Đạt	Sáp nhập /Đổi tên	Không đảm bảo số hộ
2	Hoành 2	Thôn	369	Điều 10 Nghị định số 185/2026/NĐ-CP	Chưa Đạt	Sáp nhập /Đổi tên	Không đảm bảo số hộ
3	Hoành 3	Thôn	490	Điều 10 Nghị định số 185/2026/NĐ-CP	Chưa Đạt	Sáp nhập /Đổi tên	Không đảm bảo số hộ
4	Hoành 4	Thôn	465	Điều 10 Nghị định số 185/2026/NĐ-CP	Chưa Đạt	Sáp nhập /Đổi tên	Không đảm bảo số hộ
5	Đồng Mít 1	Thôn	541	Điều 10 Nghị định số 185/2026/NĐ-CP	Đạt	Sáp nhập /Đổi tên	Thôn liền kề không đảm tiêu chí số hộ dân
6	Đồng Mít 2	Thôn	408	Điều 10 Nghị định số 185/2026/NĐ-CP	Chưa Đạt	Sáp nhập /Đổi tên	Không đảm bảo số hộ

TT	Tên thôn	Loại hình	Số hộ hiện có	Tiêu chuẩn áp dụng	Đạt/chưa đạt	Phương án xử lý	Lý do
7	Khảm Lâm	Thôn	449	Điều 10 Nghị định số 185/2026/NĐ-CP	Chưa Đạt	Sáp nhập /Đổi tên	Không đảm bảo số hộ
8	Phúc Lâm Thượng	Thôn	480	Điều 10 Nghị định số 185/2026/NĐ-CP	Chưa Đạt	Sáp nhập /Đổi tên	Không đảm bảo số hộ
9	Chân Chim	Thôn	255	Điều 10 Nghị định số 185/2026/NĐ-CP	Chưa Đạt	Sáp nhập /Đổi tên	Không đảm bảo số hộ
10	Phúc Lâm Trung	Thôn	541	Điều 10 Nghị định số 185/2026/NĐ-CP	Đạt	Sáp nhập /Đổi tên	Thôn liền kề không đảm tiêu chí số hộ dân
11	Phúc Lâm Hạ	Thôn	469	Điều 10 Nghị định số 185/2026/NĐ-CP	Chưa Đạt	Sáp nhập /Đổi tên	Không đảm bảo số hộ
12	Phù Yên	Thôn	220	Điều 10 Nghị định số 185/2026/NĐ-CP	Chưa Đạt	Sáp nhập /Đổi tên	Không đảm bảo số hộ
13	Trì	Thôn	409	Điều 10 Nghị định số 185/2026/NĐ-CP	Chưa Đạt	Sáp nhập /Đổi tên	Không đảm bảo số hộ
14	Thượng (Thượng Lâm)	Thôn	423	Điều 10 Nghị định số 185/2026/NĐ-CP	Chưa Đạt	Sáp nhập /Đổi tên	Không đảm bảo số hộ
15	Trung	Thôn	418	Điều 10 Nghị định số 185/2026/NĐ-CP	Chưa Đạt	Sáp nhập /Đổi tên	Không đảm bảo số hộ
16	Nội	Thôn	301	Điều 10 Nghị định số 185/2026/NĐ-CP	Chưa Đạt	Sáp nhập /Đổi tên	Không đảm bảo số hộ
17	Phượng	Thôn	340	Điều 10 Nghị định số 185/2026/NĐ-CP	Chưa Đạt	Sáp nhập /Đổi tên	Không đảm bảo số hộ
18	Trê	Thôn	354	Điều 10 Nghị định số 185/2026/NĐ-CP	Chưa Đạt	Sáp nhập /Đổi tên	Không đảm bảo số hộ
19	Cầu	Thôn	152	Điều 10 Nghị định số 185/2026/NĐ-CP	Chưa Đạt	Sáp nhập /Đổi tên	Không đảm bảo số hộ
20	Bèn	Thôn	301	Điều 10 Nghị định số 185/2026/NĐ-CP	Chưa Đạt	Sáp nhập /Đổi tên	Không đảm bảo số hộ
21	Thượng (Tuy Lai)	Thôn	372	Điều 10 Nghị định số 185/2026/NĐ-CP	Chưa Đạt	Sáp nhập /Đổi tên	Không đảm bảo số hộ
22	Đồng Mả	Thôn	208	Điều 10 Nghị định số 185/2026/NĐ-CP	Chưa Đạt	Sáp nhập /Đổi tên	Không đảm bảo số hộ
23	Quýt 1	Thôn	245	Điều 10 Nghị định số 185/2026/NĐ-CP	Chưa Đạt	Sáp nhập /Đổi tên	Không đảm bảo số hộ
24	Quýt 2	Thôn	288	Điều 10 Nghị định số 185/2026/NĐ-CP	Chưa Đạt	Sáp nhập /Đổi tên	Không đảm bảo số hộ
25	Quýt 3	Thôn	241	Điều 10 Nghị định số 185/2026/NĐ-CP	Chưa Đạt	Sáp nhập /Đổi tên	Không đảm bảo số hộ

TT	Tên thôn	Loại hình	Số hộ hiện có	Tiêu chuẩn áp dụng	Đạt/chưa đạt	Phương án xử lý	Lý do
26	Quýt 4	Thôn	201	Điều 10 Nghị định số 185/2026/NĐ-CP	Chưa Đạt	Sáp nhập /Đổi tên	Không đảm bảo số hộ
27	Cát	Thôn	193	Điều 10 Nghị định số 185/2026/NĐ-CP	Chưa Đạt	Sáp nhập /Đổi tên	Không đảm bảo số hộ
28	Trù	Thôn	261	Điều 10 Nghị định số 185/2026/NĐ-CP	Chưa Đạt	Sáp nhập /Đổi tên	Không đảm bảo số hộ
29	Đình Lê	Thôn	237	Điều 10 Nghị định số 185/2026/NĐ-CP	Chưa Đạt	Sáp nhập /Đổi tên	Không đảm bảo số hộ
30	Giáp Bốn	Thôn	400	Điều 10 Nghị định số 185/2026/NĐ-CP	Chưa Đạt	Sáp nhập /Đổi tên	Không đảm bảo số hộ
31	Bụa	Thôn	129	Điều 10 Nghị định số 185/2026/NĐ-CP	Chưa Đạt	Sáp nhập /Đổi tên	Không đảm bảo số hộ
32	Phúc Khê	Thôn	305	Điều 10 Nghị định số 185/2026/NĐ-CP	Chưa Đạt	Sáp nhập /Đổi tên	Không đảm bảo số hộ
33	Phú Hữu	Thôn	376	Điều 10 Nghị định số 185/2026/NĐ-CP	Chưa Đạt	Sáp nhập /Đổi tên	Không đảm bảo số hộ
34	Mỹ Tiên	Thôn	294	Điều 10 Nghị định số 185/2026/NĐ-CP	Chưa Đạt	Sáp nhập /Đổi tên	Không đảm bảo số hộ
35	Bột Xuyên	Thôn	334	Điều 10 Nghị định số 185/2026/NĐ-CP	Chưa Đạt	Sáp nhập /Đổi tên	Không đảm bảo số hộ
36	Phú Văn	Thôn	173	Điều 10 Nghị định số 185/2026/NĐ-CP	Chưa Đạt	Sáp nhập /Đổi tên	Không đảm bảo số hộ
37	Vĩnh Xương Thượng	Thôn	365	Điều 10 Nghị định số 185/2026/NĐ-CP	Chưa Đạt	Sáp nhập /Đổi tên	Không đảm bảo số hộ
38	Vĩnh Xương Trung	Thôn	296	Điều 10 Nghị định số 185/2026/NĐ-CP	Chưa Đạt	Sáp nhập /Đổi tên	Không đảm bảo số hộ
39	Vĩnh Lạc	Thôn	423	Điều 10 Nghị định số 185/2026/NĐ-CP	Chưa Đạt	Sáp nhập /Đổi tên	Không đảm bảo số hộ
40	Lai Tảo	Thôn	976	Điều 10 Nghị định số 185/2026/NĐ-CP	Đạt	Giữ nguyên	Đảm bảo số hộ dân

4. Hiện trạng tổ chức hệ thống chính trị và người hoạt động không chuyên trách

UBND xã phối hợp rà soát số chi bộ, Ban công tác Mặt trận, chi hội phụ nữ, cựu chiến binh, nông dân, đoàn thanh niên, tổ bảo vệ an ninh, trật tự ở cơ sở, nhà văn hóa, điểm sinh hoạt cộng đồng và người hoạt động không chuyên trách tại từng thôn. Việc sắp xếp phải đồng thời có phương án kiện toàn tổ chức, nhân sự các tổ chức cả hệ thống chính trị của thôn sau sắp xếp, bảo đảm không bỏ trống địa bàn, không gián đoạn công tác lãnh đạo, quản lý, vận động Nhân dân ở cơ sở.

Chức danh/Nội dung	Hiện có	Sau sắp xếp	Tăng/giảm	Ghi chú
Trưởng thôn	40	17	Giảm 23	
Bí thư chi bộ	40	17	Giảm 23	
Trưởng ban công tác Mặt trận	26	17	Giảm 9	
Người hoạt động không chuyên trách khác theo quy định	106	51	55	
Nhà văn hóa/điểm sinh hoạt cộng đồng	40	40	0	

VI. PHƯƠNG ÁN SẮP XẾP CỤ THỂ

1. Tổng hợp phương án chung

Nội dung	Trước sắp xếp	Sau sắp xếp	Tăng/giảm
Tổng số thôn	40	17	Giảm 23
Số người hoạt động không chuyên trách ở thôn	106	51	Giảm 55
Số chi bộ	40	17	Giảm 23
Số Ban công tác Mặt trận	40	17	Giảm 23

2. Phương án sáp nhập

STT	Nội dung	Thôn Hoành 1	Thôn Hoành 2	Sau sáp nhập thành Thôn Hoành 1
1	Số hộ	398	369	767
	Dân số	1.504	1.332	2.836
	Diện tích (km²)	0.93	0.94	1.87
	Số đảng viên	30	29	59
	Nhà văn hóa/điểm sinh hoạt cộng đồng	1	1	2
	Người hoạt động không chuyên trách	3	3	3

STT	Nội dung	Thôn Hoành 3	Thôn Hoành 4	Sau sáp nhập thành Thôn Hoành 2
2	Số hộ	490	465	955
	Dân số	1.793	1.711	3.504
	Diện tích (km²)	1.03	2.82	3.85

STT	Nội dung	Thôn Hoành 3	Thôn Hoành 4	Sau sáp nhập thành Thôn Hoành 2
	Số đảng viên	30	40	70
	Nhà văn hóa/điểm sinh hoạt cộng đồng	1	1	2
	Người hoạt động không chuyên trách	3	3	3

STT	Nội dung	Thôn Đồng Mít 1	Thôn Đồng Mít 2	Sau sáp nhập thành Thôn Đồng Mít
3	Số hộ	541	408	949
	Dân số	1.973	1.449	3.422
	Diện tích (km²)	1.06	0.89	1.95
	Số đảng viên	51	43	94
	Nhà văn hóa/điểm sinh hoạt cộng đồng	1	1	2
	Người hoạt động không chuyên trách	3	3	3

STT	Nội dung	Thôn Khảm Lâm	Thôn Phúc Lâm Thượng	Sau sáp nhập thành Thôn Phúc Khảm
4	Số hộ	449	480	929
	Dân số	1.856	2.115	3.971
	Diện tích (km²)	1.07	0.97	2.04
	Số đảng viên	27	32	59
	Nhà văn hóa/điểm sinh hoạt cộng đồng	1	1	2
	Người hoạt động không chuyên trách	2	2	3

STT	Nội dung	Thôn Chân Chim	Thôn Phúc Lâm Trung	Sau sáp nhập thành Thôn Phúc Lâm Trung
5	Số hộ	255	541	796
	Dân số	1.014	2.277	3.291
	Diện tích (km²)	0.74	0.87	1.61
	Số đảng viên	18	39	57

STT	Nội dung	Thôn Chân Chim	Thôn Phúc Lâm Trung	Sau sáp nhập thành Thôn Phúc Lâm Trung
	Nhà văn hóa/điểm sinh hoạt cộng đồng	1	1	2
	Người hoạt động không chuyên trách	2	2	3

STT	Nội dung	Thôn Phúc Lâm Hạ	Thôn Phù Yên	Sau sáp nhập thành Thôn Phúc Lâm Hạ
6	Số hộ	469	220	689
	Dân số	1.986	860	2.846
	Diện tích (km²)	0.8	0.45	1.25
	Số đảng viên	46	20	66
	Nhà văn hóa/điểm sinh hoạt cộng đồng	1	1	2
	Người hoạt động không chuyên trách	2	2	3

STT	Nội dung	Thôn Trì	Thôn Thượng (Thượng Lâm)	Sau sáp nhập thành Thôn Liên Trì
7	Số hộ	409	423	832
	Dân số	1.549	1.603	3.152
	Diện tích (km²)	1.31	1.36	2.67
	Số đảng viên	27	36	63
	Nhà văn hóa/điểm sinh hoạt cộng đồng	1	1	2
	Người hoạt động không chuyên trách	3	3	3

STT	Nội dung	Thôn Trung	Thôn Nội	Thôn Phượng	Sau sáp nhập thành Thôn Thượng Lâm
8	Số hộ	418	301	340	1.059
	Dân số	1.574	1.130	1.247	3.951
	Diện tích (km²)	1.34	1.28	1.25	3.87
	Số đảng viên	41	26	28	95
	Nhà văn hóa/điểm sinh hoạt cộng đồng	1	1	1	3

STT	Nội dung	Thôn Trung	Thôn Nội	Thôn Phượng	Sau sáp nhập thành Thôn Thượng Lâm
	Người hoạt động không chuyên trách	3	3	3	3

STT	Nội dung	Thôn Trê	Thôn Cầu	Thôn Bèn	Sau sáp nhập thành Thôn Tuy Lai
9	Số hộ	354	152	301	807
	Dân số	1.420	584	1.165	3.169
	Diện tích (km²)	0.15	0.72	0.12	1.0
	Số đảng viên	47	21	13	81
	Nhà văn hóa/điểm sinh hoạt cộng đồng	1	1	1	3
	Người hoạt động không chuyên trách	3	2	3	3

STT	Nội dung	Thôn Thượng (Tuy Lai)	Thôn Đồng Mả	Sau sáp nhập thành Thôn Thượng
10	Số hộ	372	208	580
	Dân số	1.518	795	2.313
	Diện tích (km²)	0.1	3.23	3.33
	Số đảng viên	34	17	51
	Nhà văn hóa/điểm sinh hoạt cộng đồng	1	1	2
	Người hoạt động không chuyên trách	3	2	3

STT	Nội dung	Thôn Quýt 1	Thôn Quýt 2	Thôn Quýt 3	Thôn Quýt 4	Sau sáp nhập thành Thôn Giữa Quýt
11	Số hộ	245	288	241	201	975
	Dân số	1.028	1.164	1.014	828	4.034
	Diện tích (km²)	0.1	0.15	3.01	3.02	6.28
	Số đảng viên	23	24	15	12	74
	Nhà văn hóa/điểm sinh hoạt cộng đồng	1	1	1	1	4

STT	Nội dung	Thôn Quýt 1	Thôn Quýt 2	Thôn Quýt 3	Thôn Quýt 4	Sau sáp nhập thành Thôn Giữa Quýt
	Người hoạt động không chuyên trách	2	3	2	3	3

STT	Nội dung	Thôn Cát	Thôn Trù	Thôn Đình Lê	Sau sáp nhập thành Thôn Giáp Ba
12	Số hộ	193	261	237	691
	Dân số	762	942	973	2.677
	Diện tích (km²)	0.1	0.13	3.22	3.45
	Số đảng viên	23	43	36	102
	Nhà văn hóa/điểm sinh hoạt cộng đồng	1	1	1	3
	Người hoạt động không chuyên trách	2	2	2	3

STT	Nội dung	Thôn Giáp Bốn	Thôn Bụa	Sau sáp nhập thành Thôn Giáp Bốn
13	Số hộ	400	129	529
	Dân số	1.568	495	2.063
	Diện tích (km²)	3.29	3.14	6.43
	Số đảng viên	33	19	52
	Nhà văn hóa/điểm sinh hoạt cộng đồng	1	1	2
	Người hoạt động không chuyên trách	3	2	3

STT	Nội dung	Thôn Phúc Khê	Thôn Phú Hữu	Sau sáp nhập thành Thôn Phú Cường
14	Số hộ	305	376	681
	Dân số	1.070	1.343	2.413
	Diện tích (km²)	0.64	0.86	1.5
	Số đảng viên	30	34	64
	Nhà văn hóa/điểm sinh hoạt cộng đồng	1	1	2

STT	Nội dung	Thôn Phúc Khê	Thôn Phú Hữu	Sau sáp nhập thành Thôn Phú Cường
	Người hoạt động không chuyên trách	3	3	3

STT	Nội dung	Thôn Mỹ Tiên	Thôn Bột Xuyên	Thôn Phú Văn	Sau sáp nhập thành Thôn Bột Xuyên
15	Số hộ	294	334	173	801
	Dân số	1.008	1.263	613	2.884
	Diện tích (km²)	0.69	0.74	0.46	1.89
	Số đảng viên	39	44	32	115
	Nhà văn hóa/điểm sinh hoạt cộng đồng	1	1	1	3
	Người hoạt động không chuyên trách	3	3	3	3

STT	Nội dung	Thôn Vĩnh Xương Thượng	Thôn Vĩnh Xương Trung	Thôn Vĩnh Lạc	Sau sáp nhập thành Thôn Mỹ Thành
16	Số hộ	365	296	423	1.084
	Dân số	1.329	1.052	1.566	3.947
	Diện tích (km²)	1.5	1.2	1.21	3.91
	Số đảng viên	42	26	95	163
	Nhà văn hóa/điểm sinh hoạt cộng đồng	1	1	1	3
	Người hoạt động không chuyên trách	3	3	3	3

3. Phương án chia tách, thành lập mới hoặc điều chỉnh ranh giới:

Không có.

4. Phương án giữ nguyên

STT	Tên thôn	Loại hình	Diện tích (km²)	Số hộ	Dân số	Lý do giữ nguyên
1	Lai Tảo	Thôn	2.42	976	3.824	Đạt tiêu chuẩn, địa bàn ổn định hoặc có yếu tố đặc thù

VII. YÊU CẦU VỀ RANH GIỚI, BẢN ĐỒ VÀ DỮ LIỆU DÂN CƯ

Phương án ranh giới thôn sau sắp xếp phải thể hiện được tuyến ranh giới, mốc nhận diện, tuyến đường, ngõ, ngách, khu nhà, tòa nhà, cụm dân cư; bảo đảm không bỏ sót hộ dân, không chồng lấn địa bàn quản lý.

UBND xã chỉ đạo cập nhật, đối chiếu dữ liệu dân cư, danh sách hộ gia đình, danh sách cử tri đại diện hộ gia đình, hồ sơ quản lý địa bàn và các dữ liệu phục vụ quản lý nhà nước. Hồ sơ ranh giới phải có sơ đồ/bản đồ hiện trạng, sơ đồ/bản đồ sau sắp xếp và bảng mô tả ranh giới bằng lời để thuận tiện trong công bố, bàn giao, lưu trữ và kiểm tra.

TT	Tên thôn/TDP sau sắp xếp	Ranh giới phía Đông	Ranh giới phía Tây	Ranh giới phía Nam	Ranh giới phía Bắc
1	Hoành 1	Phía đông giáp thôn Phúc Lâm Trung.	Phía Tây giáp thôn Hoành 2.	Phía Nam giáp thôn Hoành 2.	Phía Bắc giáp Thôn Đồng Mít.
2	Hoành 2	Phía đông giáp thôn Hoành 1	Phía Tây giáp xã Trần Phú.	Phía Nam giáp thôn Liên Trì.	Phía Bắc giáp Thôn Đồng Mít.
3	Đồng Mít	Phía đông giáp thôn Phúc Lâm Trung.	Phía Tây giáp xã Trần Phú.	Phía Nam thôn Hoành 1 và thôn Hoành 2.	Phía Bắc giáp xã Hoà Phú.
4	Phúc Khảm	Phía Đông giáp danh xã Hòa Phú.	Phía Tây giáp danh xã Trần Phú.	Phía Nam giáp danh thôn Phúc Lâm Trung (mới).	Phía Bắc giáp danh xã Hòa Phú.
5	Phúc Lâm Trung	Phía Đông Giáp danh xã Hòa Phú.	Phía Tây giáp danh Thôn Đồng Mít và thôn Hoành 1.	Phía Nam giáp danh thôn Phúc Lâm Hạ và giáp thôn hoành 1.	Phía Bắc giáp danh thôn Phúc Khảm (mới) và xã Trần Phú.
6	Phúc Lâm Hạ	Phía Đông giáp danh xã Ứng Thiên.	Phía Tây giáp danh thôn Hoành 1 và thôn Hoành 2.	Phía Nam giáp danh thôn Mỹ Thành.	Phía Bắc giáp dánh thôn Phúc Lâm Trung (mới).
7	Liên Trì	Phía Đông thôn Phúc Lâm Hạ, Mỹ Thành.	Phía tây giáp Tỉnh Phú Thọ.	phía Nam giáp thôn Thượng Lâm (mới).	Phía bắc giáp thôn Hoành 1, Hoành 2.
8	Thượng Lâm	Phía Đông thôn Phúc Lâm Hạ, thôn Mỹ Thành.	Phía tây giáp Tỉnh Phú Thọ.	phía Nam giáp thôn Tuy Lai, thôn Thượng.	Phía bắc giáp thôn Liên Trì.
9	Tuy Lai	Phía Đông Giáp thôn Mỹ Thành.	Phía Tây Giáp thôn Thượng.	Phía Nam Giáp thôn Giáp Ba.	Phía Bắc Giáp thôn Thượng Lâm.
10	Thượng	Phía Đông Giáp thôn Tuy Lai.	Phía Tây Giáp tỉnh Phú Thọ.	Phía Nam Giáp thôn Giữa Quýt.	Phía Bắc Giáp thôn Thượng Lâm.

TT	Tên thôn/TDP sau sắp xếp	Ranh giới phía Đông	Ranh giới phía Tây	Ranh giới phía Nam	Ranh giới phía Bắc
11	Giữa Quýt	Phía Đông Giáp thôn Tuy Lai.	Phía Tây Giáp tỉnh Phú Thọ.	Phía Nam Giáp thôn Giáp Ba.	Phía Bắc Giáp thôn Giáp Thượng.
12	Giáp Ba	Phía Đông Giáp thôn Mỹ Thành, thôn Kênh Đào (cũ) xã Hồng Sơn.	Phía Tây Giáp tỉnh Phú Thọ.	Phía Nam Giáp thôn Giáp Bốn.	Phía Bắc Giáp thôn Tuy Lai, thôn Giữa Quýt.
13	Giáp Bốn	Phía Đông Giáp thôn Đoan Nữ (cũ) xã Hồng Sơn.	Phía Tây Giáp tỉnh Phú Thọ.	Phía Đông Giáp thôn Ả Đầu (cũ) xã Hồng Sơn.	Phía Bắc Giáp thôn Giáp Ba.
14	Phú Cường	Phía Đông giáp ranh xã Ứng Thiên.	Phía Tây giáp ranh thôn Mỹ Thành (thôn Vĩnh Lạc, thôn Vĩnh Xương Trung cũ).	Phía Nam giáp ranh thôn Bột Xuyên mới và thôn Lai Tảo.	Phía Bắc giáp ranh thôn Mỹ Thành (thôn Vĩnh Lạc, thôn Vĩnh Xương Trung cũ).
15	Bột Xuyên	Phía Đông giáp ranh thôn Lai Tảo	Phía Tây giáp ranh thôn Mỹ Thành (thôn Vĩnh Lạc, thôn Vĩnh Xương Trung cũ).	Phía Nam giáp ranh xã Hồng Sơn	Phía Bắc giáp ranh thôn Phú Cường (thôn Phúc Khê và Phú Hữu cũ).
16	Mỹ Thành	Phía Đông giáp thôn Phú Cường, Bột Xuyên.	Phía Tây giáp thôn Hoành 2, Tuy Lai, Giáp Ba, Liên Trì.	Phía Nam giáp xã Hồng Sơn.	Phía Bắc giáp thôn Phúc Lâm Hạ.
17	Lai Tảo	Phía Đông giáp ranh xã Ứng Thiên và xã Vân Đình.	Phía Tây giáp ranh thôn Bột Xuyên mới. thôn Bột Xuyên và thôn Phú Văn, thôn Mỹ Tiên (cũ).	Phía Nam giáp ranh xã Hồng Sơn.	Phía Bắc giáp ranh thôn Phú Cường (thôn Phúc Khê và Phú Hữu cũ).

VIII. TỔ CHỨC LẤY Ý KIẾN NHÂN DÂN

1. Đối tượng, nội dung và hình thức lấy ý kiến

Việc lấy ý kiến được thực hiện đối với cử tri đại diện hộ gia đình tại các thôn chịu tác động trực tiếp của phương án sắp xếp, gồm: thôn dự kiến sáp nhập, thành lập mới, đổi tên hoặc điều chỉnh ranh giới. Nội dung lấy ý kiến gồm sự cần thiết sắp xếp; phương án sắp xếp; tên gọi; phương án sử dụng nhà văn hóa, điểm sinh hoạt cộng đồng; phương án kiện toàn người hoạt động không chuyên trách và các kiến nghị khác của Nhân dân.

UBND xã phối hợp UBMTTQ xã tổ chức hội nghị cử tri đại diện hộ gia đình hoặc phát phiếu lấy ý kiến, kết hợp hình thức phù hợp theo quy định của pháp luật về thực hiện dân chủ ở cơ sở; bảo đảm xác định đúng người tham gia, tổng hợp được kết quả, lập biên bản và lưu hồ sơ đầy đủ. Khi tổ chức lấy ý kiến phải có

phương án xác thực đại diện hộ gia đình, lưu trữ dữ liệu, bảo đảm an toàn thông tin và hỗ trợ người dân chưa có điều kiện tiếp cận công nghệ.

2. Hồ sơ chứng minh việc lấy ý kiến

- Kế hoạch lấy ý kiến Nhân dân;
- Tài liệu tóm tắt phương án sắp xếp;
- Danh sách cử tri đại diện hộ gia đình thuộc địa bàn chịu tác động;
- Phiếu lấy ý kiến hoặc biên bản hội nghị cử tri đại diện hộ gia đình;
- Biên bản kiểm phiếu/tổng hợp phiếu lấy ý kiến;
- Bảng tổng hợp kết quả lấy ý kiến Nhân dân;
- Báo cáo tiếp thu, giải trình ý kiến Nhân dân, nhất là các ý kiến không đồng ý hoặc kiến nghị khác;
- Tài liệu công khai kết quả lấy ý kiến tại địa bàn dân cư.

3. Mẫu tổng hợp kết quả lấy ý kiến

STT	Địa bàn lấy ý kiến	Tổng số hộ	Số hộ tham gia	Đồng ý	Tỷ lệ	Không đồng ý	Tỷ lệ	Ý kiến khác
1	Thôn/TDP …	…	…	…	…%	…	…%	…
2	…	…	…	…	…%	…	…%	…
3	…	…	…	…	…	…	…	…
4	…	…	…	…	…	…	…	…

IX. PHƯƠNG ÁN KIỆN TOÀN TỔ CHỨC VÀ NHÂN SỰ SAU SẮP XẾP

1. Kiện toàn tổ chức đảng, Mặt trận và các chi hội đoàn thể

Đảng ủy xãchỉ đạo rà soát, kiện toàn chi bộ tại các thôn sau sắp xếp; bảo đảm tổ chức đảng phù hợp với địa bàn dân cư mới, không làm gián đoạn công tác lãnh đạo ở cơ sở. Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam xã Phúc Sơn chủ trì, phối hợp với các tổ chức chính trị - xã hội rà soát, kiện toàn Ban công tác Mặt trận, chi hội, chi đoàn sau sắp xếp theo quy định, phù hợp điều lệ của từng tổ chức, báo cáo Ban Thường vụ Đảng ủy (qua Ban Xây dựng Đảng tổng hợp).

2. Phương án người hoạt động không chuyên trách ở thôn

Phương án nhân sự phải xử lý rõ 03 nhóm: người tiếp tục bố trí sau sắp xếp; người tự nguyện thôi không tham gia, người không tham gia do giảm đầu mối; người có nguyện vọng tiếp tục tham gia nhưng không còn vị trí phù hợp. Việc bố trí phải căn cứ tiêu chuẩn, điều kiện, uy tín, năng lực, kinh nghiệm, sự am hiểu địa

bàn và yêu cầu kiêm nhiệm phù hợp; bảo đảm công khai, dân chủ, đúng quy trình lựa chọn, bầu cử hoặc công nhận theo quy định. Số lượng, chức danh người hoạt động không chuyên trách ở thôn sau sắp xếp phải phù hợp Nghị định số 185/2026/NĐ-CP, Nghị quyết của HĐND Thành phố và hướng dẫn của cơ quan có thẩm quyền.

STT	Họ và tên	Chức danh hiện nay	Thôn hiện nay	Định hướng sau sắp xếp	Lý do	Đề xuất chế độ/chính sách
1	…	…	…	Tiếp tục bố trí/Thôi tham gia/Chưa bố trí	…	…
2	…	…	…	…	…	…

X. TÁC ĐỘNG CỦA PHƯƠNG ÁN SẮP XẾP

1. Tác động về tổ chức

Việc sắp xếp làm giảm 23 thôn tương ứng giảm 23 đầu mối tự quản ở cộng đồng dân cư; góp phần tinh gọn tổ chức, thuận lợi hơn trong chỉ đạo, điều hành của UBND xãvà tổ chức thực hiện nhiệm vụ ở địa bàn dân cư.

2. Tác động về người hoạt động không chuyên trách

Sau sắp xếp, số người hoạt động không chuyên trách ở thôn giảm từ 106 người xuống còn 51 người, giảm 55 người; đồng thời phải bảo đảm chế độ, chính sách, tâm tư, nguyện vọng của người không tiếp tục tham gia theo quy định.

3. Tác động về ngân sách

Việc sắp xếp dự kiến giúp giảm chi phụ cấp hằng tháng đối với người hoạt động không chuyên trách ở thôn; đồng thời phát sinh một số khoản chi ban đầu phục vụ lấy ý kiến Nhân dân, in ấn tài liệu, chỉnh lý hồ sơ, cập nhật dữ liệu, biển tên, cơ sở vật chất và chính sách đối với người không tiếp tục tham gia.

4. Tác động đến người dân

Việc sắp xếp thôn không làm thay đổi quyền, nghĩa vụ công dân; không làm thay đổi địa giới hành chính xã; không làm ảnh hưởng đến giấy tờ pháp lý cá nhân, hộ gia đình nếu pháp luật không yêu cầu điều chỉnh.

5. Tác động đến quản lý nhà nước

Sau sắp xếp UBND xã Phúc Sơn có điều kiện quản lý địa bàn tập trung hơn, thuận lợi trong cập nhật dữ liệu dân cư, triển khai dịch vụ công, chuyển đổi số, bảo đảm an ninh trật tự, trật tự đô thị, vệ sinh môi trường và các nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội tại cơ sở.

XI. THẨM QUYỀN, HỒ SƠ VÀ TRÌNH TỰ TRÌNH QUYẾT ĐỊNH

UBND xã xây dựng Đề án sắp xếp thôn trên địa bàn; tổ chức lấy ý kiến Nhân dân tại các thôn chịu tác động trực tiếp; báo cáo Đảng ủy xã; phối hợp với Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam xã Phúc Sơn hoàn thiện hồ sơ; trình HĐND xã xem

xét, quyết định việc thành lập, tổ chức lại, giải thể, đặt tên, đổi tên thôn theo thẩm quyền quy định tại Luật Tổ chức chính quyền địa phương, Nghị định số 185/2026/NĐ-CP, Nghị quyết của HĐND Thành phố và các quy định pháp luật có liên quan.

Nghị quyết của HĐND xã Phúc Sơn cần thể hiện rõ phạm vi quyết định đối với thôn trên địa bàn. Danh sách cụ thể thôn sau sắp xếp nên trình bày tại Phụ lục kèm theo Nghị quyết để bảo đảm rõ ràng, thuận tiện cho công bố, lưu trữ và tổ chức thực hiện.

Hồ sơ trình gồm:

1. Tờ trình của UBND xã;
2. Đề án sắp xếp thôn;
3. Dự thảo Nghị quyết của HĐND xã;
4. Báo cáo tổng hợp hiện trạng thôn;
5. Danh sách thôn trước và sau sắp xếp;
6. Bản đồ hoặc sơ đồ ranh giới thôn trước và sau sắp xếp;
7. Biên bản, phiếu lấy ý kiến, biên bản kiểm phiếu và bảng tổng hợp kết quả lấy ý kiến Nhân dân;
8. Báo cáo tiếp thu, giải trình ý kiến Nhân dân;
9. Văn bản của Đảng ủy xã cho ý kiến về phương án sắp xếp;
10. Văn bản của Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam xã;
11. Phương án kiện toàn tổ chức, nhân sự, người hoạt động không chuyên trách ở thôn;
12. Dự toán kinh phí thực hiện đề nghị thành phố và UBND xã quan tâm.
13. Các tài liệu khác có liên quan.

XII. LỘ TRÌNH THỰC HIỆN

Giai đoạn	Thời gian dự kiến	Nội dung chủ yếu	Cơ quan chủ trì/phối hợp
Rà soát, xây dựng phương án	29/5/2026	Rà soát số liệu, ranh giới, dân cư, nhân sự, cơ sở vật chất; xây dựng dự thảo Đề án	UBND xã; phòng chuyên môn được phân công làm đầu mối
Lấy ý kiến Nhân dân	20/6/2026	Công khai phương án; tổ chức hội nghị/phát phiếu; tổng hợp, tiếp thu, giải trình	UBND xã; MTTQ xã; lãnh đạo thôn; tổ công tác.
Trình HĐND xã	20-28/6/2026	Hoàn thiện hồ sơ; trình kỳ họp HĐND xã xem xét, quyết định	UBND xã; Văn phòng HĐND và UBND
Tổ chức thực hiện	28/6/2026	Công bố nghị quyết; kiện toàn tổ chức, nhân sự; bàn giao hồ sơ, tài sản; cập nhật dữ liệu	UBND xã và các cơ quan liên quan

XIII. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Ủy ban nhân dân xã

Chịu trách nhiệm chủ trì xây dựng, hoàn thiện hồ sơ Đề án; tổ chức rà soát hiện trạng, số liệu dân cư, số hộ, ranh giới, thiết chế văn hóa, đội ngũ người hoạt động không chuyên trách; chỉ đạo việc lấy ý kiến Nhân dân, tổng hợp, tiếp thu, giải trình ý kiến; hoàn thiện hồ sơ trình HĐND xãxem xét, quyết định theo thẩm quyền; tổ chức công bố, triển khai thực hiện sau khi Nghị quyết được thông qua.

2. Văn phòng HĐND và UBND xã

Tham mưu chương trình, hồ sơ trình HĐND xã; rà soát thể thức, kỹ thuật trình bày tờ trình, dự thảo nghị quyết, phụ lục kèm nghị quyết; phối hợp chuẩn bị kỳ họp, công bố, lưu trữ hồ sơ, theo dõi tiến độ thực hiện nghị quyết sau khi được thông qua.

3. Phòng Văn hóa – Xã hội xã

Làm đầu mối tham mưu UBND xã về lĩnh vực thôn và người hoạt động không chuyên trách ở thôn; chủ trì tổng hợp hồ sơ Đề án; tham mưu kế hoạch, tờ trình, dự thảo nghị quyết; tổng hợp số lượng thôn trước và sau sắp xếp; tham mưu phương án bố trí, kiện toàn người hoạt động không chuyên trách; rà soát yếu tố lịch sử, văn hóa, phong tục, tập quán, tôn giáo, tín ngưỡng, thiết chế văn hóa, nhà văn hóa, điểm sinh hoạt cộng đồng; tham mưu việc đặt tên, đổi tên thôn.

4. Phòng Kinh tế xã

Phối hợp rà soát ranh giới thôn; lập sơ đồ, bản đồ hiện trạng và phương án ranh giới sau sắp xếp; đánh giá sự phù hợp về giao thông, hạ tầng kỹ thuật, khu dân cư, nhà văn hóa, điểm sinh hoạt cộng đồng; tham mưu phương án quản lý, sử dụng cơ sở vật chất, tài sản công, thiết chế văn hóa, hạ tầng kỹ thuật có liên quan sau sắp xếp.

5. Công an xã

Phối hợp rà soát số hộ, dân số, biến động dân cư, địa bàn quản lý; Nắm bắt tình hình nhân dân, đảm bảo giữ vững tình hình an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội; đánh giá tác động của phương án sắp xếp đến công tác quản lý dân cư, phòng cháy, chữa cháy, an ninh cơ sở, trật tự đô thị, trật tự công cộng; tham gia ý kiến đối với phương án ranh giới thôn sau sắp xếp.

6. Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam xã

Phối hợp tuyên truyền, vận động Nhân dân; tham gia tổ chức lấy ý kiến cử tri đại diện hộ gia đình; giám sát việc thực hiện dân chủ, công khai, minh bạch; tổng hợp tâm tư, nguyện vọng, kiến nghị của Nhân dân để UBND xã tiếp thu, giải

trình; phối hợp thực hiện tốt việc sắp xếp đội ngũ cán bộ Ban công tác Mặt trận, các tổ chức đoàn thể chính trị - xã hội thôn.

7. Các tổ chức chính trị - xã hội xã

Phối hợp tuyên truyền, vận động đoàn viên, hội viên và Nhân dân đồng thuận với phương án sắp xếp; rà soát, kiện toàn chi hội, chi đoàn ở thôn sau sắp xếp theo hướng tinh gọn, hiệu quả, phù hợp với địa bàn dân cư mới đảm bảo theo quy định.

8. Bí thư chi bộ, Trưởng thôn, Trưởng Ban công tác Mặt trận ở thôn

Phối hợp cung cấp số liệu, danh sách hộ gia đình, tình hình dân cư, cơ sở vật chất, thiết chế cộng đồng; tham gia tổ chức hội nghị hoặc phát phiếu lấy ý kiến Nhân dân; tuyên truyền, giải thích để Nhân dân hiểu rõ mục đích, yêu cầu của việc sắp xếp; thực hiện bàn giao hồ sơ, tài sản, tài liệu, công việc sau khi phương án được cấp có thẩm quyền quyết định.

XIV. KIẾN NGHỊ, ĐỀ XUẤT

- Đảng ủy xã lãnh đạo, chỉ đạo thống nhất việc sắp xếp thôn trên địa bàn;

- HĐND xã xem xét, quyết định việc thành lập, tổ chức lại, giải thể, đặt tên, đổi tên thôn trên địa bàn theo thẩm quyền;

- UBND Thành phố, Sở Nội vụ và các cơ quan có liên quan hướng dẫn, kiểm tra, tháo gỡ khó khăn, vướng mắc trong quá trình tổ chức thực hiện;

- Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam xã và các tổ chức chính trị - xã hội phối hợp tuyên truyền, vận động, tạo sự đồng thuận trong Nhân dân.

Trong quá trình triển khai thực hiện Đề án nếu có khó khăn vướng mắc phản ánh về UBND xã (qua phòng Văn hóa – Xã hội xã tổng hợp) để tiếp thu điều chỉnh./.

Nơi nhận:
- Sở Nội vụ Tp. Hà Nội *(b/c);*
- TT Đảng ủy, HĐND xã *(b/c);*
- Đ/c Chủ tịch, PCT UBND xã *(b/c);*
- Các Phòng ban liên quan *(t/h);*
- Lưu: VT, VHXH.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH

Trần Xuân Hải

PHỤ LỤC 1. DANH SÁCH HIỆN TRẠNG THÔN

STT	Tên thôn	Loại hình	Số hộ	Dân số	Diện tích (km²)	Chi bộ	Nhà văn hóa/điểm sinh hoạt	Người HĐKCT	Đánh giá
1	Hoành 1	Thôn	398	1,504	0.93	Có	Có	3	sắp xếp
2	Hoành 2	Thôn	369	1,332	0.94	Có	Có	3	sắp xếp
3	Hoành 3	Thôn	490	1,793	1.03	Có	Có	3	sắp xếp
4	Hoành 4	Thôn	465	1,711	2.82	Có	Có	3	sắp xếp
5	Đồng Mít 1	Thôn	541	1,973	1.06	Có	Có	3	sắp xếp
6	Đồng Mít 2	Thôn	408	1,449	0.89	Có	Có	3	sắp xếp
7	Khảm Lâm	Thôn	449	1,856	1.07	Có	Có	2	sắp xếp
8	Phúc Lâm Thượng	Thôn	480	2,115	0.97	Có	Có	2	sắp xếp
9	Chân Chim	Thôn	255	1,014	0.74	Có	Có	2	sắp xếp
10	Phúc Lâm Trung	Thôn	541	2,277	0.87	Có	Có	2	sắp xếp
11	Phúc Lâm Hạ	Thôn	469	1,986	0.8	Có	Có	2	sắp xếp
12	Phù Yên	Thôn	220	860	0.45	Có	Có	2	sắp xếp
13	Trì	Thôn	409	1,549	1.31	Có	Có	3	sắp xếp
14	Thượng (Thượng Lâm)	Thôn	423	1,603	1.36	Có	Có	3	sắp xếp
15	Trung	Thôn	418	1,574	1.34	Có	Có	3	sắp xếp
16	Nội	Thôn	301	1,130	1.28	Có	Có	3	sắp xếp
17	Phượng	Thôn	340	1,247	1.25	Có	Có	3	sắp xếp
18	Trê	Thôn	354	1,420	0.15	Có	Có	3	sắp xếp
19	Cầu	Thôn	152	584	0.72	Có	Có	2	sắp xếp
20	Bèn	Thôn	301	1,165	0.12	Có	Có	3	sắp xếp
21	Thượng (Tuy Lai)	Thôn	372	1,518	0.1	Có	Có	3	sắp xếp
22	Đồng Mả	Thôn	208	795	3.23	Có	Có	2	sắp xếp
23	Quýt 1	Thôn	245	1,028	0.1	Có	Có	2	sắp xếp
24	Quýt 2	Thôn	288	1,164	0.15	Có	Có	3	sắp xếp
25	Quýt 3	Thôn	241	1,014	3.01	Có	Có	2	sắp xếp
26	Quýt 4	Thôn	201	828	3.02	Có	Có	3	sắp xếp
27	Cát	Thôn	193	762	0.1	Có	Có	2	sắp xếp
28	Trù	Thôn	261	942	0.13	Có	Có	2	sắp xếp
29	Đình Lê	Thôn	237	973	3.22	Có	Có	2	sắp xếp

STT	Tên thôn	Loại hình	Số hộ	Dân số	Diện tích (km²)	Chi bộ	Nhà văn hóa/điểm sinh hoạt	Người HĐKCT	Đánh giá
30	Giáp Bốn	Thôn	400	1,568	3.29	Có	Có	3	sắp xếp
31	Bụa	Thôn	129	495	3.14	Có	Có	2	sắp xếp
32	Phúc Khê	Thôn	305	1,070	0.64	Có	Có	3	sắp xếp
33	Phú Hữu	Thôn	376	1,343	0.86	Có	Có	3	sắp xếp
34	Mỹ Tiên	Thôn	294	1,008	0.69	Có	Có	3	sắp xếp
35	Bột Xuyên	Thôn	334	1,263	0.74	Có	Có	3	sắp xếp
36	Phú Văn	Thôn	173	613	0.46	Có	Có	3	sắp xếp
37	Vĩnh Xương Thượng	Thôn	365	1,329	1.5	Có	Có	3	sắp xếp
38	Vĩnh Xương Trung	Thôn	296	1,052	1.2	Có	Có	3	sắp xếp
39	Vĩnh Lạc	Thôn	423	1,566	1.21	Có	Có	3	sắp xếp
40	Lai Tảo	Thôn	976	3,824	2.42	Có	Có	3	Giữ nguyên

PHỤ LỤC 2. PHƯƠNG ÁN SẮP XẾP THÔN

STT	Tên hiện nay	Loại hình	Hình thức sắp xếp	Tên sau sắp xếp	Số hộ sau sắp xếp	Dân số sau sắp xếp	Ghi chú
1	Thôn Hoành 1	Thôn	Sáp nhậpThành lập mới/Đổi tên	**Thôn Hoành 1**	767	2.836	
2	Thôn Hoành 2	Thôn	Sáp nhậpThành lập mới/Đổi tên				
3	Thôn Hoành 3	Thôn	Sáp nhậpThành lập mới/Đổi tên	**Thôn Hoành 2**	955	3.504	
4	Thôn Hoành 4	Thôn	Sáp nhậpThành lập mới/Đổi tên				
5	Thôn Đồng Mít 1	Thôn	Sáp nhậpThành lập mới/Đổi tên	**Thôn Đồng Mít**	949	3.422	
6	Thôn Đồng Mít 2	Thôn	Sáp nhậpThành lập mới/Đổi tên				
7	Thôn Khảm Lâm	Thôn	Sáp nhậpThành lập mới/Đổi tên	**Thôn Phúc Khảm**	929	3.971	
8	Thôn Phúc Lâm Thượng	Thôn	Sáp nhậpThành lập mới/Đổi tên				
9	Thôn Chân Chim	Thôn	Sáp nhậpThành lập mới/Đổi tên	**Thôn Phúc Lâm Trung**	796	3.291	
10	Thôn Phúc Lâm Trung	Thôn	Sáp nhậpThành lập mới/Đổi tên				
11	Thôn Phúc Lâm Hạ	Thôn	Sáp nhậpThành lập mới/Đổi tên	**Thôn Phúc Lâm Hạ**	689	2.846	
12	Thôn Phù Yên	Thôn	Sáp nhậpThành lập mới/Đổi tên				
13	Thôn Trì	Thôn	Sáp nhậpThành lập mới/Đổi tên	**Thôn Liên Trì**	832	3.152	
14	Thôn Thượng (Thượng Lâm)	Thôn	Sáp nhậpThành lập mới/Đổi tên				
15	Thôn Trung	Thôn	Sáp nhậpThành lập mới/Đổi tên	**Thôn Thượng Lâm**	1.059	3.951	
16	Thôn Nội	Thôn	Sáp nhậpThành lập mới/Đổi tên				
17	Thôn Phượng	Thôn	Sáp nhậpThành lập mới/Đổi tên				

STT	Tên hiện nay	Loại hình	Hình thức sắp xếp	Tên sau sắp xếp	Số hộ sau sắp xếp	Dân số sau sắp xếp	Ghi chú
18	Thôn Trê	Thôn	Sáp nhậpThành lập mới/Đổi tên	**Thôn Tuy Lai**	807	3.169	
19	Thôn Cầu	Thôn	Sáp nhậpThành lập mới/Đổi tên				
20	Thôn Bèn	Thôn	Sáp nhậpThành lập mới/Đổi tên				
21	Thôn Thượng (Tuy Lai)	Thôn	Sáp nhậpThành lập mới/Đổi tên	**Thôn Thượng**	580	2.313	
22	Thôn Đồng Mả	Thôn	Sáp nhậpThành lập mới/Đổi tên				
23	Thôn Quýt 1	Thôn	Sáp nhậpThành lập mới/Đổi tên	**Thôn Giữa Quýt**	975	4.034	
24	Thôn Quýt 2	Thôn	Sáp nhậpThành lập mới/Đổi tên				
25	Thôn Quýt 3	Thôn	Sáp nhậpThành lập mới/Đổi tên				
26	Thôn Quýt 4	Thôn	Sáp nhậpThành lập mới/Đổi tên				
27	Thôn Cát	Thôn	Sáp nhậpThành lập mới/Đổi tên	**Thôn Giáp Ba**	691	2.677	
28	Thôn Trù	Thôn	Sáp nhậpThành lập mới/Đổi tên				
29	Thôn Đình Lê	Thôn	Sáp nhậpThành lập mới/Đổi tên				
30	Thôn Giáp Bốn	Thôn	Sáp nhậpThành lập mới/Đổi tên	**Thôn Giáp Bốn**	529	2.063	
31	Thôn Bụa	Thôn	Sáp nhậpThành lập mới/Đổi tên				
32	Thôn Phúc Khê	Thôn	Sáp nhậpThành lập mới/Đổi tên	**Thôn Phú Cường**	681	2.413	
33	Thôn Phú Hữu	Thôn	Sáp nhậpThành lập mới/Đổi tên				
34	Thôn Mỹ Tiên	Thôn	Sáp nhậpThành lập mới/Đổi tên	**Thôn Bột Xuyên**	801	2.884	
35	Thôn Bột Xuyên	Thôn	Sáp nhậpThành lập mới/Đổi tên				

STT	Tên hiện nay	Loại hình	Hình thức sắp xếp	Tên sau sắp xếp	Số hộ sau sắp xếp	Dân số sau sắp xếp	Ghi chú
36	Thôn Phú Văn	Thôn	Sáp nhậpThành lập mới/Đổi tên				
37	Thôn Vĩnh Xương Thượng	Thôn	Sáp nhậpThành lập mới/Đổi tên	**Thôn Mỹ Thành**	1.084	3.947	
38	Thôn Vĩnh Xương Trung	Thôn	Sáp nhậpThành lập mới/Đổi tên				
39	Thôn Vĩnh Lạc	Thôn	Sáp nhậpThành lập mới/Đổi tên				
40	Thôn Lai Tảo	Thôn	Giữ nguyên	**Thôn Lai Tảo**	976	3.824	

PHỤ LỤC 3. PHIẾU LẤY Ý KIẾN CỬ TRI ĐẠI DIỆN HỘ GIA ĐÌNH

ỦY BAN NHÂN DÂN
XÃ PHÚC SƠN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

PHIẾU LẤY Ý KIẾN HỘ GIA ĐÌNH
Về việc sắp xếp thôn trên địa bàn xã Phúc Sơn

Thực hiện Kế hoạch số 237/KH-UBND ngày 10/06/2026 của UBND xã Phúc Sơn về tổ chức lấy ý kiến Nhân dân về Đề án sắp xếp tổ chức lại thôn trên địa bàn xã Phúc Sơn;

UBND xã Phúc Sơn tổ chức lấy ý kiến hộ gia đình về sắp xếp thôn như sau:

Tên thôn lấy ý kiến: ……

Họ và tên: ……

Địa chỉ: Thôn…….. – xã Phúc Sơn

Nội dung lấy ý kiến: Theo Đề án sắp xếp thôn trên địa bàn xã Phúc Sơn

STT	Nội dung	Đồng ý	Không đồng ý	Ý kiến khác/kiến nghị
1	Sáp nhập toàn bộ quy mô hộ gia đình/dân số của **……** với **……** để thành lập thôn mới			…… ……
2	Thành lập thôn mới lấy tên gọi là **……**			…… ……

Phúc Sơn, ngày …… tháng 6 năm 2026

Tổ/người phát phiếu
(ký, ghi rõ họ tên)

Đại diện hộ gia đình
(ký, ghi rõ họ tên)

Ghi chú:
1. Mỗi hộ gia đình chỉ ghi ý kiến vào 01 phiếu; người ghi phiếu là người đại diện hộ gia đình.
2. Đánh dấu "X" vào một trong hai ô "Đồng ý" hoặc "Không đồng ý"; nếu có ý kiến khác/kiến nghị thì ghi rõ tại cột tương ứng.
3. Phiếu không xác định được ý kiến lựa chọn hoặc đồng thời đánh dấu vào cả hai ô đối với cùng một nội dung thì không tính vào kết quả biểu quyết của nội dung đó.
4. Phiếu do UBND xã Phúc Sơn ban hành và đóng dấu treo; việc phát, thu, kiểm phiếu thực hiện theo kế hoạch đã công khai.

PHỤ LỤC 4. BIÊN BẢN KIỂM PHIẾU/TỔNG HỢP PHIẾU LẤY Ý KIẾN

UBND XÃ PHÚC SƠN
THÔN ……

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BIÊN BẢN KIỂM PHIẾU LẤY Ý KIẾN
Sắp xếp thôn trên địa bàn xã Phúc Sơn

Hôm nay, vào hồi…… giờ ……. phút, ngày ….. tháng 6 năm 2026
Địa điểm tại Thôn: ……..., xã Phúc Sơn
Thực hiện Kế hoạch số 237/KH-UBND ngày 10/06/2026 của UBND xã Phúc Sơn về tổ chức lấy ý kiến Nhân dân về Đề án sắp xếp tổ chức lại thôn trên địa bàn xã Phúc Sơn;
Chúng tôi gồm:

1. Ông (bà):……	- Bí thư Chi bộ	- Tổ trưởng;
2. Ông (bà):……	- Trưởng thôn	- Tổ phó;
3. Ông (bà) :……	- Trưởng ban CTMT thôn	- Thư ký
4. Ông (bà) :……	- ……..	- Tổ viên;
5. Ông (bà) :……	- ……..	- Tổ viên;
……	……...	……

Đã tiến hành kiểm phiếu lấy ý kiến hộ gia đình về Đề án sắp xếp thôn trên địa bàn xã Phúc Sơn, kết quả kiểm phiếu như sau:

STT	Nội dung	Số lượng	Tỷ lệ
1	Tổng số hộ	……..	……%
2	Số hộ tham gia ý kiến	……..	……..%
3	Số hộ đồng ý	……..	……..%
4	Số hộ không đồng ý	……..	……..%
5	Số phiếu/ý kiến không hợp lệ hoặc	……..	……..%
6	Số hộ có ý kiến khác	……..	……..%

Biên bản được hoàn thành vào hồi ……. giờ …… phút cùng ngày và lập thành 03 bản gửi đến UBND xã Phúc Sơn 02 bản, lưu thôn ……... 01 bản./.

TM. TỔ LẤY Ý KIẾN
TỔ TRƯỞNG
(*Ký, ghi rõ họ và tên*)

THƯ KÝ
TỔ LẤY Ý KIẾN
(*Ký, ghi rõ họ và tên*)

PHỤ LỤC 5. BÁO CÁO TIẾP THU, GIẢI TRÌNH Ý KIẾN NHÂN DÂN

STT	Ý kiến/kiến nghị	Số lượng hộ/ý kiến	Nội dung tiếp thu, giải trình	Điều chỉnh trong Đề án
1	…	…	…	Có/Không
2	…	…	…	…

PHỤ LỤC 6. PHỤ LỤC RANH GIỚI/BẢN ĐỒ THÔN

STT	Tên thôn sau sắp xếp	Tuyến ranh giới/mốc nhận diện	Số hộ	Dân số	Ghi chú
1	Thôn Hoành 1	Đường/ngõ/tòa nhà/sông/hồ/ranh giới tự nhiên …	767	2.836	
2	Thôn Hoành 2	…	955	3.504	
3	Thôn Đồng Mít		949	3.422	
4	Thôn Phúc Khảm		929	3.971	
5	Thôn Phúc Lâm Trung		796	3.291	
6	Thôn Phúc Lâm Hạ		689	2.846	
7	Thôn Liên Trì		832	3.152	
8	Thôn Thượng Lâm		1.059	3.951	
9	Thôn Tuy Lai		807	3.169	
10	Thôn Thượng		580	2.313	
11	Thôn Giữa Quýt		975	4.034	
12	Thôn Giáp Ba		691	2.677	
13	Thôn Giáp Bốn		529	2.063	
14	Thôn Phú Cường		681	2.413	
15	Thôn Bột Xuyên		801	2.884	
16	Thôn Mỹ Thành		1.084	3.947	
17	Thôn Lai Tảo		976	3.824	

PHỤ LỤC 7. PHƯƠNG ÁN BỐ TRÍ NGƯỜI HOẠT ĐỘNG KHÔNG CHUYÊN TRÁCH SAU SẮP XẾP

STT	Thôn/TDP sau sắp xếp	Chức danh	Số lượng	Nhân sự dự kiến	Nhóm xử lý	Ghi chú
1	…	Trưởng thôn/Tổ trưởng TDP	01	…	Tiếp tục bố trí	…
2	…	Bí thư chi bộ/Trưởng ban công tác Mặt trận hoặc chức danh khác theo quy định	…	…	Thôi tham gia/Chưa bố trí	…